

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2022/HS-PT

Ngày: 23 - 5 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà G Thị Vượng.

Các thẩm phán: Bà Phan Thị Phương;

Ông Vàng Xuân Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 06/2022/TLPT-HS ngày 25 tháng 2 năm 2022 đối với các bị cáo Trần Thế G, Trần Ngọc S, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Văn H do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2022/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu tỉnh Lai Châu.

- Các Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Trần Thế G; Tên gọi khác: Trần T G; Sinh năm: 1974 tại tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKKHKT: Bản Hợp 2, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Quốc Chiến, sinh năm 1954 và con bà Trần Thị Được, sinh năm 1955; Có vợ là bà Phan Thị Ánh T, sinh năm 1977; có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2009; Bị cáo có 07 anh, em ruột, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; Tiền án: không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2021, chuyển tạm giam từ ngày 08/02/2021 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trần Ngọc S; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1998, tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKKHKT: Bản Hợp 2, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Thế G (tên gọi khác Trần T G), sinh năm 1974 và con bà Phan Thị Ánh T, sinh năm 1977; có vợ là Đồng Thị Phương H, sinh năm 1994, có 01 con sinh năm 2018; Bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia

đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2021, tạm giam từ ngày 08/02/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu cho đến ngày 05/7/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng bảo lãnh cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1992, tại tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi ĐKHKTT: Phố nguôi, pH H, thị xã V, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Trong, sinh năm 1964 và bà Trần Thị Quảng, sinh năm 1960; Vợ: Nguyễn Thị Thủy, sinh năm 1991, Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; Bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2021 chuyển tạm giam từ ngày 09/02/2021 đến ngày 09/4/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Hữu N**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1991, tại tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi ĐKHKTT: Thôn Lạc Trung, xã Trung N, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Hữu Nghê (đã chết) và bà Kim Thị Tâm, sinh năm 1964; Vợ: Dương Thị Chung, sinh năm 1992 (đã ly hôn), Con: có 01 con sinh năm 2013; Bị cáo có 04 anh, chị, em, bị cáo là con thứ bốn trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/4/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Ngoài ra còn có 02 (hai) bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị là:*

- Bị cáo Lò Văn T (Tên gọi khác: Cường); Sinh năm: 2003.

Nơi ĐKHKTT: Bản Nậm Phìn, xã Cấn Co, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

- Bị cáo Vàng Văn T, Sinh năm: 1991

Nơi ĐKHKTT: Bản Hợp 1, xã Bản Lang, huyện P, tỉnh Lai Châu.

** Những người tham gia tố tụng khác:*

- Người bào chữa cho các bị cáo **Trần Thế G** (tên gọi khác **Trần T G**), **Trần Ngọc S**: Ông **Bùi Việt Anh** - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Quốc tế Bình An - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Tầng 3 số 22 phố Hồ Giám, pH Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

- Người làm chứng:

+ Bến xe khách tỉnh Lai Châu; Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Minh S**, chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Tổ 26, pH Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Thôn Xuân Chiếm, xã Trung N, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc. (Vắng mặt).

+ Anh **Phạm Minh T**, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Tổ 24, pH Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Anh Trần Đức D, sinh năm 2000. Địa chỉ: Thôn Trung N, xã Trung N, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Hà X, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Tổ 14, pH Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm: 2000. Địa chỉ: Thôn Đông Cườm, xã Trung S, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt).

+ Anh Vũ Văn T, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Tổ 19, pH Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt)

+ Anh Phạm Quang H, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Tổ 15, pH Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng hơn 07 giờ 30 phút ngày 06/02/2021 xe khách biển kiểm soát 88B 008.57 của xe khách T Thắng đến Bến xe khách tỉnh Lai Châu, Nguyễn Văn H đang trả khách, trả hàng. Lúc này trong bên xe có nhiều hành khách đang lên, xuống xe, có nhiều chuyến xe trong nội tỉnh đang chuẩn bị chạy, nhiều người lái xe taxi và xe ôm đang bắt, trả khách và hàng hóa trong bến. Do có mâu thuẫn trong việc tranh giành khách với giữa Nguyễn Văn H là phụ xe của xe khách T Thắng với Trần Thế G là lái xe của nhà xe của nhà xe Thế Anh từ ngày 05/02/2021 nên Trần Ngọc S (là con trai của Trần Thế G) cùng Vàng Văn T và Lò Văn T là phụ xe của S đến. S hỏi: Ai là người dùng số điện thoại đuôi số 848 nhưng không ai trả lời. Nguyễn Hữu N là phụ xe của nhà xe T Thắng biển kiểm soát 88B 001.65 đang cầm một chiếc tuốc nơ vít (có cán bằng nhựa màu vàng kích thước dài 09cm, đường kính 02cm phần cán nhựa có nhiều vết xước cũ; phần kim loại đầu dẹt kích thước dài 13,5cm, đường kính dài 6mm, phần đầu dẹt rộng 0,6mm) để sửa xe 88B 001.65 thì Trần Thế G đến nói với mọi người của nhà xe T Thắng: Ai dùng số điện thoại đuôi 848. N bảo H: Số của mày thì mày nhận đi. Sau đó, H thừa nhận số điện thoại có đuôi 848 là của H. N đứng ở cửa lên xuống của xe biển kiểm soát 88B 008.57 cãi, chửi nhau với S và T. Thấy S, T và N đang cãi, chửi nhau, T dùng chai nước lọc loại 500ml ném vào người N nhưng không trúng, S cầm bật lửa ném về phía N, N cầm tuốc nơ vít lao vào để đâm S, T, T nhưng được mọi người can ngăn nên không đâm được. H lên xe lấy một tuýp bằng kim loại dài 84cm; đường kính 2,1cm lao vào đánh S, T, G nên S, T, G bỏ chạy. T đi về xe khách của S lấy một ty thủy lực bằng kim loại có phần tay cầm màu đen dài 40cm đường kính 2cm phía trên là phần kim loại màu bạc dài 8cm đường kính 1cm lao vào đánh mọi người. H dùng tuýp sắt vút một phát lưng của T. Do bị N dùng tuốc nơ vít đuôi đâm nên G chạy về xe khách Thế Anh biển kiểm soát 25F 000.11 lấy 01 con dao bằng kim loại dài khoảng 40cm – 50cm, có vỏ bằng gỗ màu vàng chạy hướng về phía N và H hô: Sao chúng mày đánh con tao. H cầm tuýp sắt chạy lên xe biển kiểm soát 88B 008.57 G tay phải cầm dao, tay trái cầm vỏ dao chạy theo H lên xe 88B 008.57 cầm dao giơ lên cao chém về phía

H một phát nhưng không trúng; còn N chạy về xe biển kiểm soát 88B 011.65 khi đó S đang đuổi theo N, S lấy 01 chiếc bút được làm bằng nhôm đặc dài khoảng 8cm đường kính khoảng 0,6cm, một đầu mài nhọn, một đầu gắn ngòi bút ở trong túi áo ra đuổi theo N, N bỏ chạy đến bậc lên xuống của xe biển kiểm soát 88B 011.65 để lấy dao thì bị S đuổi kịp và dùng bút đâm một phát vào ngực của N, đâm xong S chạy xuống xe thì nhìn thấy T đang cầm ty thủy lực nên S giằng lấy và dọa N, H. N, H đang ở trong đang ở trong xe và khóa cửa xe lại. Sau đó, N kiểm tra thì phát hiện bị một vết thương ở ngực chảy máu nên được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Lai Châu. G vứt con dao ở khu vực rửa xe, còn S vứt ty thủy lực ở phía đuôi xe khách của S và vứt chiếc bút vào cống thoát nước ở gần khu vực vệ sinh của Bến xe.

Hậu quả: Quá trình các bị cáo, cãi, chửi, đánh nhau gây mất trật tự trị an trong bến xe vào thời điểm có nhiều người và phương tiện trong bến xe đang hoạt động bình thường, mặc dù được nhiều người can ngăn, nhưng bất chấp nội quy của bến xe, quy định của pháp luật, các bị cáo vẫn hô hét chửi bới, dùng hung khí đuổi đánh nhau làm gián đoạn việc lên, xuống xe của hành khách, gây náo loạn, mất trật tự trị an trong bến xe từ khoảng 08 giờ đến gần 09 giờ ngày 06/02/2021, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an T xã hội trên địa bàn thành phố. Ngày 01/4/2021 đại diện Bến xe khách Lai Châu đã có báo cáo sự việc trên đến Cơ quan CSĐT, Công an tỉnh Lai Châu để tiến hành điều tra theo quy định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Thế G, Trần Ngọc S, Lò Văn T, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Văn H, Vàng Văn T không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại các Quyết định tố tụng, Cáo trạng truy tố nêu trên.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2022/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Thế G, Trần Ngọc S, Lò Văn T, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Văn H, Vàng Văn T phạm tội: “ Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thế G 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/02/2021; Xử phạt Bị cáo Trần Ngọc S 24 (hai mươi bốn) tháng tù, bị cáo được khấu trừ 05 (năm) tháng tạm giữ, tạm giam (từ ngày 06/02/2021 đến 04/7/2021). Bị cáo còn phải chấp hành 19 (mười chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 28 (hai mươi tám) tháng tù, bị cáo được khấu trừ 02 (hai) tháng 03 (ba) ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 06/02/2021 đến 09/4/2021). Bị cáo còn phải chấp hành 27 (hai mươi bảy) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N 28 (hai mươi tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án;

Ngoài ra bản án còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo khác, xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24 tháng 01 năm 2022 bị cáo Trần Thế G,

Trần Ngọc S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt theo hướng giữ N mức phạt tù và cho hưởng án treo; Bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Nguyễn Hữu N kháng cáo xin chuyển hình phạt từ phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Các bị cáo Trần Thế G xin giảm nhẹ và hưởng án treo các bị cáo Trần Ngọc S, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu N giữ N quyền kháng cáo.

Bị cáo Trần Thế G thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đã thực hiện như bản án sơ thẩm quy kết và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng các T tiết giảm nhẹ mới như: Trong thời gian bị tạm giam để xét xử phúc thẩm bị cáo G đã tích cực giúp lực lượng quản giáo ngăn chặn bị can cùng buồng bỏ trốn, giúp ích cho công tác quản lý giam giữ, Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu đã có công văn đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo G.

Bị cáo Trần Ngọc S tiếp tục thành khẩn khai báo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng T tiết giảm nhẹ vì bị cáo là lao động chính D nhất trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương phù hợp với điều kiện hoàn cảnh gia đình của bị cáo ngoài ra bị cáo S xuất trình nhiều bằng khen, giấy khen kỷ niệm chương của mẹ tên Phan Thị Ánh T là giáo viên có nhiều thành tích xuất sắc vì sự nghiệp giáo dục.

Bị cáo Nguyễn Hữu N thay đổi nội dung kháng cáo, từ kháng cáo xin chuyển hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ nay xin được hưởng án treo với các lý do như sau: Bị cáo N đã được Cơ quan điều tra Công an huyện YL xác nhận trong thời gian từ ngày 17/4/2022, bị cáo N đã cung cấp thông tin có giá trị giúp cơ quan Công an huyện YL bắt giữ đối tượng phạm tội về ma túy trên địa bàn, cũng trong thời gian được áp dụng biện pháp ngăn chặn; tại địa phương bị cáo đã tham gia ủng hộ công tác phòng chống dịch Covid -19 với số tiền 3.000.000 đồng; bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bị cáo là lao động chính D nhất trong gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Văn H giữ N nội dung kháng cáo xin hưởng án treo, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các T tiết giảm nhẹ như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn sống cùng bố mẹ, bố bị bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động, bị cáo được chính quyền nơi cư trú xác nhận là lao động chính trong gia đình. Trong thời gian được áp dụng biện pháp ngăn chặn tại địa phương Nguyễn Văn H đã hợp tác với công an pH để phát hiện điều xử lý đối tượng phạm tội về ma túy, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo Trần Thế G mức hình phạt 24 tháng tù là đã xem xét tất cả các T tiết giảm nhẹ đối với bị cáo. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm bị cáo Trần Thế G có thêm T tiết giảm nhẹ mới cụ thể là trong quá trình tạm giam tại Trại giam công an tỉnh bị cáo G đã tích cực giúp đỡ ban giám thị trại giam Công an tỉnh trong việc

nắm T hình các bị can cùng buồng (có dấu hiệu bỏ trốn, tự sát) bị cáo G đã kịp thời giúp đỡ ngăn chặn được, đây là T tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm t khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, do vậy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Trần Thế G đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật hình sự thể hiện sự khoan hồng của pháp luật hình sự đối với người lập công chuộc tội theo đó xử phạt bị cáo Trần Thế G từ 24 tháng tù xuống 20 tháng tù.

Đối với các bị cáo Trần Ngọc S cấp sơ thẩm căn cứ vào các T tiết giảm nhẹ và quyết định mức hình phạt như vậy là thỏa đáng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo S đã bổ sung thêm các T tiết giảm nhẹ TNHS mới đó là bị cáo là lao động chính trong gia đình do bố là bị cáo đang bị tạm giam trong cùng vụ án, cung cấp các bằng khen, kỷ niệm chương của mẹ đẻ là người có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục. Đây là những T tiết giảm nhẹ mới đề nghị Hội đồng xét xử coi đó là T tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, chấp nhận kháng cáo của Trần Ngọc S, xem xét giữ N hình phạt 24 tháng tù cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Hữu N Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tội danh, điều luật là đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt mức hình phạt đối với Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu N là phù hợp tuy nhiên tại cấp phúc thẩm các bị cáo N, H xuất trình thêm nhiều T tiết giảm nhẹ mới như: Bị cáo N có nhân thân tốt được cơ quan điều tra công an huyện YL xác nhận bị cáo có thành tích xuất sắc giúp cơ quan điều tra khám phá án, bị cáo tham gia phòng chống dịch Covid -19, hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính; bị cáo Nguyễn Văn H giúp đỡ công an xã bắt đối tượng có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo được xác nhận là lao động chính đây là các T tiết giảm nhẹ được quy định tại t khoản 1, khoản 2 Điều 51- Bộ luật hình sự, do vậy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo H, N, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ N hình phạt 28 tháng tù cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Từ lập luận trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thế G để giảm hình phạt cho bị cáo; chấp nhận kháng cáo của Trần Ngọc S, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu N sửa bản án sơ thẩm; áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao để cho các bị cáo được hưởng án treo.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho các bị cáo Trần Thế G, Trần Ngọc S tại phiên tòa: Nhất trí về tội danh, điều luật mà đại diện Viện kiểm sát vừa luận tội đối với các bị cáo Trần Thế G, Trần Ngọc S. Với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Trần Ngọc S phù hợp, người bào chữa không có tranh luận gì thêm. Còn ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo Trần Thế G, quan điểm của người bào chữa xét thấy bị cáo G đủ điều kiện áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét

áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo G từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về phần thủ tục: Thông báo về việc kháng cáo của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu ban hành theo đúng qui định tại Điều 338 Điều Bộ luật Tố tụng hình sự được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm đều được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, trước khi mở phiên tòa phúc thẩm các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến gì. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết; xét lời khai của các bị cáo là thống nhất và phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết luận giám định. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với nhận xét và kết luận của Tòa án cấp sơ thẩm: Trong khoảng thời gian từ 08 giờ đến 09 giờ ngày 06/02/2021, tại Bến xe khách tỉnh Lai Châu thuộc tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, do mâu thuẫn với nhau trong việc tranh giành khách nên nhóm của Trần Thế G, Trần Ngọc S, Lò Văn T, Vàng Văn T đã có hành vi cãi, chửi nhau, dùng hung khí là dao, ty thủy lực, bút kim loại đuổi đánh nhau với nhóm của Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu N cũng dùng hung khí là tuýp sắt và tuốc nơ vít để đánh lại nhóm của G, làm náo loạn an ninh trật tự tại bến xe, làm ảnh hưởng đến việc lên xe, xuống xe của hành khách cũng như việc vận chuyển hành khách, hàng hóa của các phương tiện trong bến xe, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho hành khách đi xe và nhân viên Bến xe khi thực hiện nhiệm vụ cũng như những người dân đến gửi và nhận hàng tại bến, người dân kinh doanh buôn bán khu vực trong bến xe đồng thời gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố Lai Châu. Hành vi của các bị cáo là kết quả của việc cùng nhau tiếp nhận ý chí, cùng nhau thực hiện hành vi chửi bới, thách thức, dùng hung khí gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an T xã hội. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng bị cáo, các bị cáo đều là người thực hành tích cực, không có bị cáo nào có vai trò khởi xướng, thực hành tích cực hơn các bị cáo khác. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Lò Văn T, Vàng Văn T không có kháng cáo và không bị kháng nghị, vì vậy, bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm T, xâm phạm đến trật tự an T nơi công cộng, xâm phạm đến hoạt động bình thường của bến xe khách Lai Châu. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành tích cực. Các bị cáo đều là người

có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi chửi bới, thách thức và dùng hung khí đuổi đánh nhau là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng T tiết định khung dùng vũ khí, hung khí theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là đúng, cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng đầy đủ các T tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo như: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Bộ luật hình sự 2015; Bị cáo Trần Thế G có bố đẻ là ông Trần Quốc Chiến được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; Bị cáo Trần Ngọc S có ông nội Trần Quốc Chiến được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Hội đồng xét xử đồng T với việc nhận định của cấp sơ thẩm tính chất mức độ về tội danh và điều luật đã áp dụng.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo: Kháng cáo giảm nhẹ hình phạt xin được hưởng án treo của các bị cáo Trần Thế G, Trần Ngọc S, Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Hữu N Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nghiêm T do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; đã xem xét đầy đủ nhân thân cũng như các T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, ngoài T tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo được hưởng nêu trên thì tại cấp phúc thẩm các bị cáo đều xuất trình các T tiết giảm nhẹ mới ngoài các T tiết mà cấp sơ thẩm đã áp dụng, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Hữu N đã cung cấp xác nhận ngày 21/4/2022 của Cơ quan điều tra Công an huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc về cung cấp thông tin bắt tội phạm, đơn trình bày bị cáo N có hoàn cảnh khó khăn là lao động chính D nhất trong gia đình; biên lai giấy nộp tiền ủng hộ dịch bệnh Covid-19.

Bị cáo Nguyễn Văn H được chính quyền nơi cư trú xác nhận là lao động chính trong gia đình, trong thời gian được áp dụng biện pháp ngăn chặn tại địa phương Nguyễn Văn H đã hợp tác với công an pH để phát hiện điều xử lý đối tượng phạm tội về ma túy.

Bị cáo Trần Ngọc S được chính quyền địa phương xác nhận là lao động chính trong gia đình, trong thời gian được áp dụng biện pháp ngăn chặn bị cáo nghiêm túc chấp hành các quy định tại địa phương; mẹ bị cáo là người có nhiều thành tích xuất sắc trong sự nghiệp giáo dục.

Như vậy tại cấp phúc thẩm các bị cáo S, N và bị cáo H bổ sung thêm được nhiều T tiết giảm nhẹ, các T tiết giảm nhẹ của các bị cáo được kiểm sát viên đề nghị áp dụng, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo S, N, H như quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp việc đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong T hình hiện nay;

Đối với bị cáo Trần Thế G xét thấy cấp sơ thẩm đã quyết định hình phạt đối với bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt đã thể hiện mức khoan hồng tuy nhiên xét thấy bị cáo G đã tích cực hợp tác với Trại giam công an tỉnh trong việc ngăn chặn phạm nhân tự sát và bỏ trốn đây là T tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, như vậy bị cáo G có hai T tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự thoả mãn các điều kiện để Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định mức

hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội tích cực hợp tác.

Trong vụ án còn có các bị cáo Vàng Văn T, Lò Văn T tham gia vào hành vi phạm tội nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị, cấp sơ thẩm đã xét xử về tội danh, mức hình phạt phù hợp cần giữ N.

[5]. Về án phí:

Do kháng cáo của Trần Thế G, Trần Ngọc S, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu N được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

[6] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thế G, Trần Ngọc S, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Văn H.

2. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2022/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hữu N, Nguyễn Văn H, Trần Thế G, Trần Ngọc S.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thế G **19** (Mười chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/02/2021;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt Bị cáo Trần Ngọc S **24** (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho uỷ ban nhân dân xã D huyện P tỉnh Lai Châu để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N **28** (hai mươi tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 56 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho uỷ ban nhân dân xã Trung N, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H **28** (hai mươi tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 56 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho uỷ ban nhân dân phường H, thị xã V, tỉnh Vĩnh Phúc để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Các Bị cáo Trần Thế G, Trần Ngọc S, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2022/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Lai Châu;
- Tòa án; VKSND; Công an; Chi cục THADS thành phố Lai Châu
- TAND thành phố Lai Châu;
- Các Bị cáo; Trại tạm giam.
- Người bào chữa;
- Lưu HSVA, HCTP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

G Thị Vượng